

QUY ĐỊNH GIAO DỊCH ĐĂNG WEBSITE HOSE
(Kèm theo tờ trình số 51/TTr-HTGD ngày 26 / 04 /2025 của P.HTGD)

1. Phương thức giao dịch

Hệ thống giao dịch tại SGDCK TP.HCM có hai phương thức giao dịch gồm: Phương thức khớp lệnh tập trung và phương thức giao dịch thỏa thuận.

1.1 Phương thức khớp lệnh tập trung: Là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán. Phương thức khớp lệnh tập trung bao gồm khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

- Khớp lệnh định kỳ là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định.

Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh theo phương thức này như sau :

a) Là mức giá thực hiện mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết.

b) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a khoản này, mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó các lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần.

c) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

d) Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn điểm a khoản này và trùng hoặc gần với giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

Ví dụ 1: Khớp lệnh định kỳ

Trong đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa, cổ phiếu A có giá tham chiếu là 125.000 đồng. Lần lượt có các lệnh nhập như sau:

- Lệnh 1 bên mua, giá 125.400, khối lượng 500
- Lệnh 2 bên bán, giá 125.300, khối lượng 300
- Lệnh 3 bên mua, giá 125.000, khối lượng 400
- Lệnh 4 bên bán, giá 124.900, khối lượng 400
- Lệnh 5 bên bán, giá ATO, khối lượng 100

(Cách ghi trong sổ lệnh: Số hiệu lệnh – Khối lượng lệnh, ví dụ: 1-500: Lệnh 1 khối lượng 500)

Khối lượng cộng dồn mua	Khối lượng mua	Giá	Khối lượng bán	Khối lượng cộng dồn bán	Khối lượng khớp	Thỏa điểm a	Thỏa điểm b	Thỏa điểm c	Thỏa điểm d
500	1-500	125.400		800	500				

500		125.300	2-300	800	500	✓			
500		125.200		500	500	✓	✓		
500		125.100		500	500	✓	✓	✓	
900	3-400	125.000		500	500	✓			
900		124.900	4-400	500	500				
900		124.800	5-100	100	100				

Theo điểm a nguyên tắc xác định giá khớp lệnh định kỳ, có 6 mức giá mà tại đó khối lượng khớp lớn nhất (500 cp) gồm 124.900; 125.000; 125.100; 125.200; 125.300; 125.400:

- Tại mức giá 125.400, lệnh mua 1 khớp hết với lệnh bán 4 và lệnh bán 5, lệnh bán 2-300 không khớp hết, không thỏa mãn điểm a nên bị loại.
- Tại mức giá 124.900, lệnh mua 1 khớp hết với lệnh bán 4 và lệnh bán 5, lệnh mua 3-400 không khớp hết, không thỏa mãn điểm a nên bị loại.

4 mức giá còn lại (125.000; 125.100; 125.200; 125.300) đều thỏa mãn là giá khớp nên tiếp tục xem xét theo điểm b:

- Tại mức giá 125.300, lệnh mua 1 khớp hết với lệnh bán 4 và lệnh bán 5, lệnh bán 2-300 không có khớp lệnh, không thỏa mãn điểm b.
- Tại mức giá 125.000, lệnh mua 1 khớp hết với lệnh bán 4 và lệnh bán 5, lệnh mua 3-400 không có khớp lệnh, không thỏa mãn điểm b.
- Hai mức giá 125.100 và 125.200 không có lệnh mua và lệnh bán, được xem là khớp hết cả hai bên, thỏa điểm b.

Theo điểm c, nếu có nhiều mức giá thỏa mãn điểm b thì chọn mức giá trùng hoặc gần với giá tham chiếu. Tại hai mức giá còn lại, giá 125.100 gần tham chiếu (125.000) hơn mức giá 125.200 nên được chọn làm giá khớp lệnh.

Ví dụ 2: Khớp lệnh định kỳ

Trong đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa, cổ phiếu B có giá khớp gần nhất là 85.900 đồng. Lần lượt có các lệnh giới hạn nhập như sau:

- Lệnh 1 bên bán, giá 85.200, khối lượng 100
- Lệnh 2 bên bán, giá 85.300, khối lượng 100
- Lệnh 3 bên bán, giá 85.700, khối lượng 100
- Lệnh 4 bên mua, giá 85.700, khối lượng 200
- Lệnh 5 bên mua, giá 85.600, khối lượng 500

(Cách ghi trong sổ lệnh: Số hiệu lệnh – Khối lượng lệnh, ví dụ: 1-500: Lệnh 1 khối lượng 500)

Khối lượng cộng dồn mua	Khối lượng mua	Giá	Khối lượng bán	Khối lượng cộng dồn bán	Khối lượng khớp	Thỏa điểm a	Thỏa điểm b	Thỏa điểm c	Thỏa điểm d
0		85.900		300	0				
0		85.800		300	0				
200	4-200	85.700	3-100	300	200	✓			✓
700	5-500	85.600		200	200	✓			
700		85.500		200	200				

700		85.400		200	200				
700		85.300	2-100	200	200				
700		85.200	1-100	100	100				

Theo điểm a nguyên tắc xác định giá khớp lệnh định kỳ, có 5 mức giá mà tại đó khối lượng khớp lớn nhất (200 cp) gồm 85.300; 85.400; 85.500; 85.600; 85.700:

- Tại các mức giá 85.300, 85.400 và 85.500, lệnh mua 4 khớp hết với lệnh bán 1 và lệnh bán 2, lệnh mua 5-500 không khớp hết, không thỏa mãn điểm a nên bị loại.

2 mức giá còn lại 85.600 và 85.700 đều thỏa mãn là giá khớp nên tiếp tục xem xét theo điểm b:

- Tại mức giá 85.600, lệnh mua 4 khớp hết với lệnh bán 1 và lệnh bán 2, lệnh mua 5-500 không có khớp lệnh, không thỏa mãn điểm b.
- Tại mức giá 85.700, lệnh mua 4 khớp hết với lệnh bán 1 và lệnh bán 2, lệnh bán 3-100 không có khớp lệnh, không thỏa mãn điểm b.

Theo điểm d, khi không có mức giá thỏa mãn điểm b, thực hiện chọn mức giá thỏa mãn điểm a và trùng hoặc gần với giá thực hiện/giá khớp gần nhất. Tại hai mức giá 85.700 và 85.600, mức giá 85.700 gần với giá khớp gần nhất (85.900) nên được chọn làm giá khớp lệnh.

- **Khớp lệnh liên tục:** là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch chứng khoán. Giá thực hiện khớp trong phương thức giao dịch liên tục là mức giá của lệnh giới hạn đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.

Hệ thống giao dịch thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

- Ưu tiên về giá:
 - + Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
 - + Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.
- Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Ví dụ 3: Khớp lệnh liên tục

Trong đợt khớp lệnh liên tục, cổ phiếu C đang có sổ lệnh với các lệnh giới hạn như sau:

(Cách ghi trong sổ lệnh: Số hiệu lệnh – Khối lượng lệnh, ví dụ: 1-500: Lệnh 1 khối lượng 500)

Khối lượng mua	Giá	Khối lượng bán
	40.900	4-200
	40.850	2-200; 6-300
	40.800	7-900
	40.750	
	40.700	

1-100	40.650	
3-300	40.600	
5-500	40.550	

Sau đó, có lệnh mua 8 (lệnh giới hạn, khối lượng 1.000, giá 40.850) được nhập vào sổ lệnh.

Dựa vào nguyên tắc ưu tiên về giá và thời gian, kết quả khớp lệnh:

- Lệnh mua 8 khớp lệnh bán 7, khối lượng 900, giá 40.800
- Lệnh mua 8 khớp lệnh bán 2, khối lượng 100, giá 40.850

Sổ lệnh sau đó:

Khối lượng mua	Giá	Khối lượng bán
	40.900	4-200
	40.850	2-100; 6-300
	40.800	
	40.750	
	40.700	
1-100	40.650	
3-300	40.600	
5-500	40.550	

1.2 Phương thức giao dịch thỏa thuận: Là phương thức giao dịch trong đó các bên tham gia giao dịch thông qua CTCK tự thỏa thuận về các điều kiện giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; hoặc các bên tham gia giao dịch thỏa thuận, thực hiện giao dịch, sau đó thông qua CTCK ghi nhận kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Thời gian giao dịch

Thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian giao dịch cụ thể như sau:

- Đối với giao dịch Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm:

Phiên	Phương thức giao dịch	Giờ giao dịch	Loại lệnh giao dịch
Phiên sáng	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	09h00 - 09h15	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ATO)
	Khớp lệnh liên tục I	09h15 - 11h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường (MTL)
	Giao dịch thỏa thuận	09h00 - 11h30	
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng- chiều</i>		<i>11h30 - 13h00</i>	
Phiên chiều	Khớp lệnh liên tục II	13h00 - 14h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường (MTL)
	Khớp lệnh định kỳ	14h30 - 14h45	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức

	đóng cửa		giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC)
	Giao dịch thỏa thuận	13h00 - 15h00	

* *Lưu ý: Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng – chiều, không được thực hiện:*

- + Nhập lệnh sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;
- + Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;
- + Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận chưa thực hiện.
- + Thời gian và phương thức giao dịch lô lẻ áp dụng tương tự giao dịch lô chẵn.

Đối với giao dịch chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch:

Phương thức giao dịch	Thời gian giao dịch	Loại lệnh giao dịch
Khớp lệnh định kỳ mở cửa	09h00 – 09h15	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh ATO
Khớp lệnh định kỳ 1	09h15 – 09h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 2	09h30 – 09h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 3	09h45 – 10h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 4	10h00 – 10h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 5	10h15 – 10h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 6	10h30 – 10h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 7	10h45 – 11h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 8	11h00 – 11h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 9	11h15 – 11h30	Lệnh giới hạn (LO)
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng - chiều</i>	<i>11h30 - 13h00</i>	
Khớp lệnh định kỳ 10	13h00 – 13h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 11	13h15 – 13h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 12	13h30 – 13h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 13	13h45 – 14h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 14	14h00 – 14h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 15	14h15 – 14h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	14h30 – 14h45	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh ATC

Lưu ý: Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch chỉ được giao dịch khớp lệnh lô chẵn theo phương thức khớp lệnh định kỳ: gồm đợt khớp lệnh xác định giá mở cửa, sau đó đến các đợt khớp lệnh định kỳ (mỗi đợt kéo dài 15 phút) và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa.

Trong đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa, nhà đầu tư không được phép sửa, hủy lệnh. Trong các đợt khớp lệnh định kỳ 1 đến 15, nhà đầu tư không được sửa, hủy 5 phút cuối của đợt khớp lệnh.

3. Đơn vị giao dịch, đơn vị yết giá:

Đơn vị giao dịch

Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm	100
Đơn vị giao dịch lô chẵn	100, khối lượng tối đa là 500.000

Đơn vị giao dịch lô lẻ	1, khối lượng tối đa là 99
Đơn vị giao dịch lô lớn	1, khối lượng tối thiểu là 20.000

Đơn vị yết giá

- Đối với giao dịch khớp lệnh của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng

Mức giá	Đơn vị yết giá
<10.000	10 đồng
10.000-49.950	50 đồng
≥ 50.000	100 đồng

- Đối với giao dịch khớp lệnh của chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm: Áp dụng đơn vị yết giá 10 đồng cho tất cả các mức giá.
- Đối với giao dịch thỏa thuận: 1 đồng

4. Biên độ dao động giá

Biên độ dao động giá thông thường của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF: +/-7% so với giá tham chiếu.

Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF: +/-20% so với giá tham chiếu.

Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch, đình chỉ giao dịch từ hai mươi lăm (25) ngày giao dịch liên tiếp trở lên: +/-20% so với giá tham chiếu.

Biên độ dao động giá của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu là +/-7%.

Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp tách doanh nghiệp niêm yết, trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng tiền có giá trị lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước và ngày giao dịch trở lại đối với trường hợp tách doanh nghiệp niêm yết mà không liên quan đến ngày giao dịch không hưởng quyền: +/-20% so với giá tham chiếu.

5. Giá trần/sàn, giá tham chiếu, giá đóng cửa

5.1 Giá trần/sàn

Giá trần và giá sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được tính toán theo quy định dưới đây và làm tròn xuống đối với giá trần, làm tròn lên đối với giá sàn theo đơn vị yết giá.

- Giá trần và giá sàn xác định như sau:

Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF:

$$+ \text{Giá trần} = \text{Giá tham chiếu} + (\text{Giá tham chiếu} \times \text{Biên độ dao động giá})$$

$$+ \text{Giá sàn} = \text{Giá tham chiếu} - (\text{Giá tham chiếu} \times \text{Biên độ dao động giá})$$

Đối với chứng quyền có bảo đảm: Giá trần/sàn trong ngày giao dịch đầu tiên và ngày giao dịch thông thường của chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu được xác định như sau:

+ Giá trần = Giá tham chiếu chứng quyền + (giá trần của cổ phiếu cơ sở – Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở) $\times$ 1/Tỷ lệ chuyển đổi

+ Giá sàn = Giá tham chiếu chứng quyền – (giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở – giá sàn cổ phiếu cơ sở) $\times$ 1/Tỷ lệ chuyển đổi

(Trường hợp giá sàn của chứng quyền nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ là đơn vị yết giá nhỏ nhất.)

b. Trong trường hợp giá trần hoặc giá sàn của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF (xác định theo tại mục a) bằng giá tham chiếu, giá trần và giá sàn sẽ được thực hiện điều chỉnh như sau:

+ Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

+ Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu – 01 đơn vị yết giá

(Trong trường hợp giá sàn điều chỉnh nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ được điều chỉnh bằng giá tham chiếu.)

c. Trong trường hợp sau khi tính toán, giá tham chiếu bằng đơn vị yết giá, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

+ Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

+ Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu

5.2 Giá tham chiếu

Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên do tổ chức niêm yết đề xuất. Tổ chức niêm yết gửi tài liệu, báo cáo phương pháp xác định giá tham chiếu, nguyên tắc và các dữ liệu tài chính tại báo cáo tài chính hoặc tài liệu liên quan khác để xác định giá tham chiếu. Đối với chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định như sau:

-Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá phát hành của chứng quyền $\times$ (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày thông báo phát hành chứng quyền) $\times$ (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày thông báo phát hành chứng quyền /Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên).

Trường hợp trong 03 ngày giao dịch liên tục kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF chưa xác định được mức giá đóng cửa để sử dụng là giá tham chiếu trong ngày giao dịch kế tiếp, tổ chức niêm yết phải có công văn xác định lại giá tham chiếu gửi SGDCK.

Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên, khi được giao dịch trở lại do SGDCK quyết định.

Đối với chứng quyền mua, giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch được xác định như sau: Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá đóng cửa của chứng quyền vào ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch $\times$ (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày

giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch chứng quyền/Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại).

Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).
- Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.
- Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.

Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

Các trường hợp không điều chỉnh giá tham chiếu gồm:

- Phát hành trái phiếu chuyển đổi (gồm cả phát hành cho cổ đông hiện hữu).
- Phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
- Phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập.
- Tổ chức niêm yết thực hiện giảm vốn điều lệ.
- Chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.
- Các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu.

5.3 Giá đóng cửa

Giá đóng cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh lô chắn cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện khớp lệnh lô chắn trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá tham chiếu đầu ngày.

6. Các loại lệnh

Nhà đầu tư được sử dụng các loại lệnh sau đây khi giao dịch tại SGDCK TP.HCM:

a. Lệnh giới hạn (lệnh LO): Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Lệnh LO được phép nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục và đợt khớp lệnh định kỳ. Lệnh có hiệu lực kể từ khi được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến hết ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

b. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ký hiệu lệnh ATO): Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau:

- Nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh:

+ Là giá tham chiếu nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATO hoặc lệnh bán ATO hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán. Nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá trần.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua. Nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên sổ lệnh:

+ Giá của lệnh ATO mua được xác định là giá cao nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

+ Giá của lệnh ATO bán được xác định là giá thấp nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

Lệnh ATO được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa. Sau thời điểm xác định giá mở cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

Lệnh ATO không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập vào hệ thống trước đó.

c. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ký hiệu lệnh ATC): Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau:

- Nếu chỉ có lệnh ATC trên sổ lệnh:

+ Là giá thực hiện gần nhất hoặc là giá tham chiếu (trường hợp không có giá thực hiện gần nhất) nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATC hoặc lệnh bán ATC hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán; Nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá trần.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua; Nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên sổ lệnh:

+ Giá của lệnh ATC mua được xác định là giá cao nhất trong 03 mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

+ Giá của lệnh ATC bán được xác định là giá thấp nhất trong 03 mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được

xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

Lệnh ATC được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa. Sau thời điểm xác định giá đóng cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được hiện hết sẽ hết hiệu lực.

Lệnh ATC không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập vào hệ thống trước đó.

Giá của các lệnh ATO hoặc ATC được hiển thị theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp chỉ còn dư mua hoặc dư bán của lệnh ATO hoặc ATC: Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua hoặc bán là giá khớp dự kiến. Trường hợp chưa có giá khớp dự kiến giá hiển thị là giá khớp lệnh gần nhất hoặc giá tham chiếu (trường hợp chưa có giá khớp gần nhất).

- Trường hợp còn dư mua hoặc dư bán của lệnh giới hạn:

- + Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua là giá dư mua cao nhất cộng 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hiển thị là giá trần).

- + Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC bán là giá dư bán thấp nhất trừ 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hiển thị là giá sàn).

d. *Lệnh thị trường (MTL)*: Là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Nếu lệnh không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO mua với mức giá cao hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá trần nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá trần (đối với lệnh mua) hoặc lệnh LO bán với mức giá thấp hơn mức giá khớp cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá sàn nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá sàn (đối với lệnh bán). Lệnh thị trường chỉ được nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục.

7. Sửa, hủy lệnh

Đối với giao dịch khớp lệnh

Việc sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

Trong phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa: không được phép sửa, hủy các lệnh giới hạn, lệnh ATO.

Trong phiên khớp lệnh liên tục: Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa lệnh được xác định như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng.

- b) Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng hoặc sửa giá.

Trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa: không được phép sửa, hủy các lệnh giới hạn, lệnh ATC (bao gồm cả các lệnh giới hạn được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang).

Đối với giao dịch thoả thuận

Giao dịch thoả thuận đã thực hiện trên hệ thống giao dịch không được phép sửa, huỷ.

8. Giao dịch chứng khoán của người đầu tư nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua được tính toán theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch khớp lệnh:

- Khối lượng mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi lệnh mua được nhập vào hệ thống.
- Lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài nhập vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận nếu khối lượng còn được phép mua nhỏ hơn khối lượng đặt mua.
- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được sửa giảm khối lượng, khối lượng còn được phép mua tăng bằng khối lượng được giảm của lệnh ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống.
- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được sửa tăng khối lượng, khối lượng còn được phép mua giảm bằng khối lượng được tăng ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống. Trường hợp khối lượng còn được phép mua nhỏ hơn khối lượng được tăng, hệ thống giao dịch sẽ không chấp nhận lệnh sửa.
- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài bị hủy bỏ bởi nhà đầu tư hoặc hệ thống giao dịch, khối lượng còn được phép mua tăng bằng khối lượng bị hủy bỏ.

b) Đối với giao dịch thỏa thuận:

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi lệnh thỏa thuận bên mua được nhập vào hệ thống giao dịch nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán.
- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua hủy lệnh giao dịch thỏa thuận với một nhà đầu tư trong nước bán, khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi lệnh hủy được nhập vào hệ thống.
- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau.

Hệ thống giao dịch hiển thị thông tin lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng niêm yết theo nguyên tắc như sau:

- Lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng mua của toàn thị trường tại từng mức giá cho đến khi hết khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.
- Hệ thống giao dịch cập nhật thông tin lệnh chào mua của nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh việc hiển thị mỗi khi lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được nhập vào hệ thống hoặc bị hủy bỏ.

9. Các ký hiệu giao dịch

Ký hiệu trạng thái chứng khoán:

WID - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan công bố thông tin

WFR - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan báo cáo tài chính

WOV - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo khác

CTR - Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát

RES - Chứng khoán thuộc diện hạn chế giao dịch

C&R – Chứng khoán bị kiểm soát và bị hạn chế thời gian giao dịch

SUS – Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch

SLS – Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên

NWE – Cổ phiếu, CCQ đóng, chứng chỉ quỹ ETF niêm yết mới

NWN – Chứng quyền niêm yết mới

Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền:

01: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.

02: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng tiền.

04: Giao dịch không hưởng quyền mua.

03: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.

05: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.

06: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.

07: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.

16: Giao dịch không hưởng cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ.